

Số: 382 /QĐ-THCSPL

Lái Thiêu, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thu -chi Nguồn khác
Tháng 11 năm 2025 của Trường THCS Phú Long

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt phương án và giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp Trung học cơ sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023 – 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu –chi nguồn khác tháng 11 năm 2025 của Trường THCS Phú Long (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KT (B/c);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hùng Huy

Biểu số :04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ : THCS PHÚ LONG
CHƯƠNG : 622 , LOẠI:490

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU- CHI NSNN , NGUỒN KHÁC THÁNG 11 NĂM 2025
(kèm theo quyết định số 382...../QĐ-THCSPL Ngày 01...../12 /2025 của Trường THCS Phú Long)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
I	Dự toán chi ngân sách nhà Nước				
3	Thu sự nghiệp khác				
3.1	Tồn tháng 10/2025	3.658.056.699	3.658.056.699		
1	Căng tin- giữ xe	307.499.308	307.499.308		
	. 10% thuế	67.233.872	67.233.872		
	. 40% CCTL	0	-		
	. 60% hoạt động	239.277.239	239.277.239		
	. Lãi	988.197	988.197		
2	Học phí	697.032.000	697.032.000		
	. 40% CCTL	0	-		
	. 60%	697.032.000	697.032.000		
3	CSSKBD (BIDV)	306.471.110	306.471.110		
4	PTSN-KT 2024	129.155.955	129.155.955		
5	Bán trú (98)	747.067.926	747.067.926		
6	BHYT (025)	1.470.830.400	1.470.830.400		
3.2	Tổng số thu tháng 11/2025	409.158	409.158		
1	Căng tin- giữ xe	147.562	147.562		
	. 10% thuế		-		
	. 40% CCTL		-		
	. 60% hoạt động		-		
	. Lãi	147.562	147.562		
2	Học phí	0	0		
	. 40% CCTL		-		
	. 60%		-		
3	CSSKBD (025)	197.123	197.123		
4	PTSN-KT (026)	21.939	21.939		
5	Bán trú (98)	42.534	42.534		
6	BHYT (025)	3.790.800	3.790.800		
3.3	Tổng số chi tháng 11/2025	2.240.477.361	2.240.477.361		
1	Căng tin- giữ xe	106.577.801	106.577.801		
	. 10% thuế	-	-		
	. 40% CCTL		-		
	. 60% hoạt động	106.577.801	106.577.801		
	. Lãi		-		